

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2025
V/v ly hôn giữa ông T và bà G

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thắm – Ông Trần Đức Hào
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/DSST – QĐ ngày 26/11/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Đức T, sinh ngày 16/6/1992. Số CCCD 040092017546. Nơi ĐKNKTT: số nhà 8, ngõ 16 đường Nguyễn Trường Tộ, khối 13, phường Lê G, TP V (cũ) Nay là phường Thành V, tỉnh Nghệ An –vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh ngày 26/9/1994. Số CCCD 042194014548. Nơi ĐKNKTT: số nhà 8, ngõ 16 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Thành V, tỉnh Nghệ An, hiện đã xuất cảnh (ở Đài Loan). Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Người có quyền G và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quốc Băng – Bà Nguyễn Thị Xuân, Trú tại: xóm 1 Đức Lập, huyện Đức Thọ (cũ) nay là Thôn Tân Xuyên, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh – Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các T liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Dương Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà G kết hôn với nhau vào ngày 26/01/2016 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê G, TP Vninh (cũ), nay là phường Thành V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2023 thì bắt đầu mâu thuẫn, cuối năm 2023 thì mâu thuẫn càng tăng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp tính tính, không phù hợp quan điểm sống, không có niềm tin và sự tôn trọng nhau. Vợ chồng sống xa nhau nên dần mất tình cảm, bà G đi lao động tại Đài Loan nên vợ chồng ngày càng xa cách, hiện vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay, không liên lạc gì với nhau. Hiện không còn tình cảm gì với nhau nữa nên ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018. Sau khi ly thân thì con gái là Dương Gia Hân ở với bà G, sau đó bà G đi nước ngoài thì bố mẹ đẻ bà G là ông Bằng và bà Xuân đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Hân, còn con chung là cháu Chấn Hưng thì hiện đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung trưởng thành và không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về T sản chung và nợ chung; Vợ chồng không có T sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T biết bà G đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể nên ông làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An thu thập thông tin xuất cảnh của bà G. Tại CV số 4702/QLXNC – Đ1 ngày 10/11/2025 của phòng PA08 Công an Nghệ An xác nhận bà G đã xuất cảnh vào ngày 27/6/2025 và chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam. Bà G vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là Ông Trần Quốc Bằng – bà Nguyễn Thị Xuân ở xóm 1 Đức Lập, huyện Đức Thọ (cũ) nay là Thôn Tân Xuyên, xã Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đề nghị Tòa án thu thập thêm chứng cứ từ bố mẹ đẻ của bà G.

Do tính chất công việc và đi lại khó khăn nên ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt ông.

Đối với bị đơn bà Trần Thị G: Do vợ chồng không liên lạc gì với nhau nên ông T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà G ở nước ngoài.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An đã gửi văn bản cho ông Trần Quốc Bằng – bà Nguyễn Thị Xuân (là bố mẹ đẻ của bà G) thông báo về việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án để ông Bằng – bà Xuân thông báo cho bà G và đề nghị bà G nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà Xuân cho biết: Hiện tại chị G đang đi xuất khẩu lao động, sinh sống và làm việc tại nước Đài Loan và có liên lạc về với ông bà qua mạng xã hội, tuy nhiên bà không cung cấp được địa chỉ của chị G tại nước ngoài cho Tòa án biết. Theo bà Xuân trình bày thì bà đã thông báo việc anh T làm đơn xin ly hôn cho chị G biết nhưng chị G không có ý kiến gì.

Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nơi cư trú của bà G trước

khi đi nước ngoài. Tuy nhiên, bà G không có ý kiến gì và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Bà Xuân và ông Bằng (bố mẹ đẻ bà G) có ý kiến: Việc anh T ly hôn chị G con gái của ông bà thì ông bà không có ý kiến gì. Còn về con chung ông bà có ý kiến như sau: Anh T và chị G có 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018. Khi G ly thân với anh T về ở với vợ chồng tôi thì có đưa cháu Gia Hân về sống cùng, cháu Chấn Hưng ở với anh T. Sau khi chị G đi nước ngoài (tháng 6/2025) thì chị G có gửi cháu Gia Hân cho vợ chồng tôi trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, quá trình nuôi dưỡng chị G gửi tiền cho vợ chồng tôi nuôi cháu. Nay anh T làm đơn ly hôn và có yêu cầu được nuôi cả hai con chung thì chúng tôi không đồng ý, chúng tôi nuôi Gia Hân theo sự nhờ vả của G nên chúng tôi phải có trách nhiệm nuôi cháu cho đến khi chị G về Việt Nam nên vợ chồng tôi không đồng ý giao cháu Gia Hân cho anh T nuôi dưỡng, mà đề nghị Tòa án giao cháu Gia Hân cho vợ chồng bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi chị G về Việt Nam vì hiện tại cháu Gia Hân đang sinh sống và học tập ổn định tại Hà Tĩnh, thay đổi người nuôi con sẽ làm thay đổi cuộc sống của cháu. Chúng tôi chấp nhận phán quyết của Tòa án và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người liên quan không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ông Dương Đức T được ly hôn bà Trần Thị G.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng giao 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho bà G do ông T không yêu cầu.

Bà Xuân – Ông Bằng nuôi con chung là cháu Gia Hân từ tháng 6/2025 cho đến nay, bà Xuân trình bày tiền nuôi cháu thời gian qua là do chị G gửi từ nước ngoài về, hiện nay bà cũng không có yêu cầu gì về tiền nuôi cháu Gia Hân thời gian qua nên không xem xét.

Về T sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Hằng phải chịu án phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Dương Đức T khởi kiện yêu cầu ly hôn, con chung đối với bà Trần Thị G nên đây là tranh chấp “ly hôn, con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà G hiện cư trú ở nước ngoài (CV số 4702/QLXNC – Đ1 ngày 10/11/2025 của phòng PA08 Công an Nghệ An xác nhận bà G đã xuất cảnh vào ngày 27/6/2025 và chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam, nhưng trước khi xuất cảnh bà G có địa chỉ cư trú tại phường Lê G, TP V (cũ), nay là phường Thành V, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2025/NQ – HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện các quyền của các Tòa án nhân dân. Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi một số điều của bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

[2] Về việc không hòa giải được với bị đơn, người liên quan: Ngày 03/10/2025 Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn Ông Dương Đức T và bị đơn bà Trần Thị G. Bà G hiện ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Ông Băng – Bà Xuân là bố mẹ đẻ của bà G đã thông báo cho bà G về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan theo quy định của pháp luật đồng thời yêu cầu ông Băng – bà Xuân cung cấp địa chỉ cụ thể của bà G ở nước ngoài nhưng ông Băng – bà Xuân không cung cấp và cũng không đến làm việc. Tính đến ngày mở phiên tòa lần 2 Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào của bà G trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những T liệu cần thiết quy định tại Điều 10 Nghị Quyết số 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình và Công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, thuộc trường hợp quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan: Ông Dương Đức T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà G và người liên quan ông Băng – bà Xuân vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt

các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Đức T kết hôn với bà Trần Thị G trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn UBND phường Lê G, TP V (cũ), nay là phường Thành V, tỉnh Nghệ An vào ngày 26/01/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa ông T và bà G thấy rằng: Sau khi sống chung và kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian đến năm cuối 2023 cho đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có niềm tin và sự tôn trọng nhau, vợ chồng sống xa nhau không quan tâm đến nhau dẫn đến mất tình cảm, bản thân ông T không còn tình cảm với bà G và không muốn quay lại chung sống cùng bà G dưới một mái nhà nữa, Bà G hiện đang ở nước ngoài không có ý kiến gì về việc ông T làm đơn ly hôn bà. Từ phân tích nêu trên thấy rằng cuộc hôn nhân giữa ông T và bà G trên thực tế không còn tồn tại một thời gian dài, ông T và bà G không tìm thấy hạnh phúc trong việc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông T không đồng ý quay về sống với bà G mà yêu cầu giải quyết cho ly hôn. Xét yêu cầu của ông T là chính đáng nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông T được ly hôn bà G.

[2] Về con chung: Ông Dương Đức T và Bà Trần Thị G có 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018. Theo ông T trình bày thì sau khi ly thân thì con gái là Dương Gia Hân ở với bà G, sau đó bà G đi nước ngoài thì bố mẹ đẻ bà G là ông Bằng và bà Xuân đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Hân, còn con chung là cháu Chấn Hưng thì hiện đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung trưởng thành và không yêu cầu bà G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Xuân khai rằng, sau khi chị G đi nước ngoài (tháng 6/2025) thì chị G có gửi cháu Gia Hân cho vợ chồng bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, quá trình nuôi dưỡng chị G gửi tiền cho vợ chồng tôi nuôi cháu. Nay anh T làm đơn ly hôn và có yêu cầu được nuôi cả hai con chung thì bà không đồng ý, ông bà nuôi Gia Hân theo sự nhờ vả của G nên phải có trách nhiệm nuôi cháu cho đến khi chị G về Việt Nam nên không đồng ý giao cháu Gia Hân cho anh T nuôi dưỡng, mà đề nghị Tòa án giao cháu Gia Hân cho vợ chồng bà trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu Gia Hân thì có ý kiến là bố mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T và bà G có 02 con chung, sau khi vợ chồng ly thân bà G nuôi cháu Gia Hân, ông T nuôi cháu Gia Hưng. Tuy nhiên từ

tháng 6/2025 bà G đi xuất khẩu lao động thì giao cháu Gia Hân cho bố mẹ đẻ là ông Bằng và bà Xuân trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, bà Xuân và ông Bằng không đồng ý giao Gia Hân cho ông T nuôi dưỡng và cháu Gia Hân cũng có nguyện vọng ở với mẹ là bà G. Tuy nhiên, hiện nay Bà G đang ở nước ngoài, bà G cũng không có văn bản nào thể hiện việc Bà G ủy quyền cho ông Bằng và bà Xuân nuôi cháu Gia Hân, ông T hiện đang sinh sống làm việc tại Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An có đủ điều kiện để nuôi con. Để đảm bảo quyền G cho các cháu hội đồng chấp nhận yêu cầu của ông T, Giao 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà G do ông T không yêu cầu.

Bà Xuân – Ông Bằng nuôi con chung là cháu Gia Hân từ tháng 6/2025 cho đến nay, bà Xuân trình bày tiền nuôi cháu Gia Hân thời gian qua là do bà G gửi từ nước ngoài về, hiện nay bà cũng không có yêu cầu gì về tiền nuôi cháu Gia Hân thời gian qua nên hội đồng không xem xét.

[3] Về T sản: Ông Dương Đức T không yêu cầu nên không giải quyết. Bà G vắng mặt có quyền khởi kiện chia T sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 122, 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 147, 207, 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết 01/2025/NQ – HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện các quyền của các Tòa án nhân dân. Điều 35 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về Luật sửa đổi một số điều của bộ luật tố tụng dân sự....có hiệu lực ngày 01/7/2025. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đức T. Cho ông Dương Đức T được ly hôn với bà Trần Thị G.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Dương Gia Hân, sinh ngày 28/6/2016 và Dương Chấn Hưng, sinh ngày 23/3/2018 cho ông Dương Đức T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà G do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về T sản: Ông Dương Đức T không yêu cầu nên không giải quyết. Bà G vắng mặt có quyền khởi kiện chia T sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Dương Đức T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông T đã nộp theo biên lai số 0000616 ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi án dân sự khu vực 1 - Nghệ An.

5. Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người liên quan. Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, Người có quyền G và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSTP khu vực 1
- Phòng THADS khu vực 1
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND p.Thành V (GCNKH số 17/26.01.2016 p.Lê G cũ)
- Lưu HS VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

